TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2017
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hợp

2. Bà Phạm Thị Tuyết

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái

Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2017/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 46/2017/TB-XX, ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lù Thị H**, sinh năm 1992, Có mặt
Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn M, huyện M , tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: **Anh Hà Ngọc Q**, sinh năm 1987, Vắng mặt
Địa chỉ: Tổ 42, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-10-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Chị Lù Thị H trình bày:

Chị Lù Thị H và Anh Hà Ngọc Q đăng ký kết hôn ngày 16/11/2014, tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn chị H và anh Q chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, khi cãi nhau anh Q không hòa giải mà thường đánh chị H . Mâu thuẫn đó đã được gia đình hòa giải nhưng anh Q không thay đổi. Từ tháng 7 năm 2017 đến nay chị H và anh Q ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn Anh Hà Ngọc Q.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Lù Thị H và Anh Hà Ngọc Q không có, nên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn Anh Hà Ngọc Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Ngọc Q vắng mặt, mặt dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị H và Anh Hà Ngọc Q tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 01 năm 2014, tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H và anh Q sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau những lúc đó anh Q thường đánh chị H, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đó được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q nhưng cố tình lẩn tránh vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Xét thấy mâu thuẫn giữa Chị Lù Thị H và Anh Hà Ngọc Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho Chị Lù Thị H được ly hôn Anh Hà Ngọc Q là có cơ sở.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lù Thị H xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lù Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Hà Ngọc Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b, khoản 2 điều 227; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lù Thị H được ly hôn với Anh Hà Ngọc Q

2. Về án phí: Chị Lù Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã

nộp theo biên lai số 7169, ngày 16/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. (Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm)

Án xử công khai sơ thẩm, Chị Lù Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Ngọc Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Yên Bái;
- VKS tp Yên Bái;
- Chi cục THADS tp Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p Y,
  tp Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Lâm

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đình Lâm

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- VKS thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND p Yên Ninh, Tp Yên Bái, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Lâm

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đình Lâm

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:[6]

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)…….……..

Thẩm phán: Ông (Bà) .....

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà) .....

2. Ông (Bà) .....

3. Ông (Bà) .....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)……..…….[7]

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân[8]*..... tham gia phiên toà:*

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....[9] tại .....

xét xử sơ thẩm công khai[10] vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....[11] ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....[12]

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày..... tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:[13] .....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:[14] .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:[15] .....

2. Bị đơn: [16] .....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:[17] .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:[18] .....

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):[19] .....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[20] .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[21] .....

4. Người làm chứng[22] .....

5. Người giám định:[23] .....

6. Người phiên dịch:[24] .....

NỘI DUNG VỤ ÁN: [25]

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[26]

[1] .....

[2] .....

[3] .....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào……[27] .....

[28]:.....

.... (29)